

Số: /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh bán trú của cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Học viên bán trú theo học chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh bán trú, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, cụ thể:

a) Đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: địa bàn là các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III hoặc xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong đó, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở hoặc thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Đối với học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng theo quy định điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: địa bàn là các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III hoặc xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong đó, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

c) Đối với học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: địa bàn là các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III hoặc xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong đó, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

2. UBND cấp xã xác nhận khoảng cách nhà ở xa trường, nhà ở xa nơi học tập và phê duyệt danh sách được hưởng chính sách đối với học sinh bán trú, học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) và cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý. Việc phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 142/2025/NĐ-CP) và quy định pháp luật có liên quan.

3. Phân cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo quy định điều chỉnh danh sách địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ (bao gồm sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ địa bàn theo tình hình thực tiễn) theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và Quy định chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Sơn La.
3. Quy định chuyển tiếp
 - a) Các trường hợp học sinh, học viên bán trú thuộc đối tượng được hưởng chính sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh sách hưởng chính sách trợ cấp, hỗ trợ kinh phí, gao trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo danh sách đã được phê duyệt cho đến hết thời gian hưởng chính sách của học kỳ hoặc năm học.
 - b) Đối với các hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị phê duyệt danh sách học sinh, học viên bán trú hưởng chính sách hỗ trợ đã được các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, đang trong quá trình thẩm định, xét duyệt hoặc đang thực hiện trình tự thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định tại Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 để hoàn thiện thủ tục và thực hiện hỗ trợ, nhằm bảo đảm tính liên tục và quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, học viên.
 - c) Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, việc xác định địa bàn, khoảng cách, địa hình cách trở và quy trình xét duyệt hồ sơ, phê duyệt danh sách đối tượng học sinh, học viên hưởng chính sách hỗ trợ phát sinh mới hoặc điều chỉnh mới thực hiện thống nhất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Hiệu trưởng, Giám đốc các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến